| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẤT ĐỎ**<br>**TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2019
V/v: Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Trần Thị Mỹ Dung

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Bùi Thị Kim Thủy

Bà Nguyễn Thị Thương

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Mai -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Phạm Thành T, sinh năm: 1986, "có đơn đề nghị xét xử vắng mặt"

Địa chỉ: 2Ô2/1 khu phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1996, "vắng mặt"

HKTT: 4Ô1/17 khu phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Thành T trình bày:*

Ông Phạm Thành T và bà Nguyễn Thị Ngọc T trước đây là vợ chồng nhưng nhưng đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2018/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018. Theo quyết định ly hôn, ông T và bà T thỏa thuận giao con chung là Phạm Nguyễn Thiên L, sinh ngày 06-10-2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Tuy nhiên, từ sau khi ly hôn cho đến nay bà T không trực tiếp nuôi dưỡng con như nội dung thỏa thuận tại Quyết định ly hôn, mà để con lại cho ông T nuôi dưỡng, không đi lại chăm sóc hỏi thăm con gì cả. Vì vậy, để đảm bảo tính pháp lý và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, ông T khởi kiện yêu cầu xin được thay đổi thành ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng con, ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T.

3. *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn bà T, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, do vậy việc xét xử vắng mặt bà T là phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy xét xử vắng mặt ông T là phù hợp khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

- Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Đất Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn ông Phạm Thành T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vu án*: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông T; về con chung, hai người thỏa thuận bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Nguyễn Thiên L, sinh ngày 06-10-2015, tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến nay, ông T và gia đình ông T là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Vì vậy, ông T khởi kiện đề nghị Tòa án giao cho ông T được quyền nuôi dưỡng cháu L và ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Việc ông T xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là có căn cứ và chính đáng. Bởi lẽ từ sau khi ly hôn đến nay, tuy quyết định ly hôn giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu của bà T. Song thực tế bà T không trực tiếp nuôi dưỡng con mà để con lại cho ông T và gia đình ông T trực tiếp nuôi dưỡng, không đến thăm nom con, chăm sóc con. Đồng thời, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T vắng mặt và cũng không có văn bản ghi nhận ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, từ đó cho thấy bà T đã tự từ bỏ quyền lợi của mình đối với con chung. Qua xác minh tại địa phương xác nhận cháu L vẫn phát triển bình thường, cuộc sống đảm bảo. Xét việc để cháu L cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là ổn định về người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không làm xáo trộn sinh hoạt, cuộc sống hiện tại và là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T.

Tạm thời, ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, ông T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà T không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Giao con chung là cháu Phạm Nguyễn Thiên L, sinh ngày 06-10-2015 cho ông Phạm Thành T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tạm thời ông Phạm Thành T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

2. Về án phí:

- Ông Phạm Thành T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0010714 ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T không chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Thị Mỹ Dung**